TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08/3/2024 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thanh**.

Bà **Mai Thị Thảo**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Văn C, sinh ngày 02/10/1971,

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh ngày 05/02/1981,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Thành Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Ngô Văn C *trình bày:* Anh và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 06/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Năm 2014, anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù từ ngày 01/5/2014 đến ngày 01/9/2019 thì anh chấp hành xong và được trở về với gia đình và địa phương. Khi trở về anh được biết năm 2015 chị L đã đi lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước. Từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân, không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 30/6/2013, hiện con đang ở với anh Vũ Thành Đ là em trai chị L và mẹ đẻ chị L là bà Phạm Thị G. Do con có nguyện vọng ở với chị L và gia đình bên ngoại nên anh nhất trí giao con cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị L không có mặt ở Việt Nam, anh nhất trí để anh Vũ Thành Đ tiếp tục chăm sóc con Ngô Ngọc Huyền T cho đến khi chị L về nước và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh C không cung cấp được địa chỉ của chị L nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị L. Anh Vũ Thành Đ (em trai chị L) trình bày: Anh không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Anh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết, chị L có quan điểm xác định vợ chồng sống xa cách từ lâu, không liên lạc và không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh C trình bày là đúng, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 30/6/2013 cho đến khi con thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho anh Vũ Thành Đ thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước. Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Vũ Thành Đ nhất trí thay chị L chăm sóc cháu Ngô Ngọc Huyền T cho đến khi chị L về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu T.

Con chung của anh C và chị L là cháu Ngô Ngọc Huyền T có nguyện vọng được ở với chị L và anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ngô Văn C ly hôn chị Vũ Thị L. Về con chung: Giao con chung Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 30/6/2013 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Ngô Ngọc Huyền T cho anh Vũ Thành Đ chăm sóc trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam. Anh C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Ngô Văn C sinh sống tại Việt Nam, bị đơn chị Vũ Thị L có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện chị L đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị L cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ là em trai chị L để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh C và chị L đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với chị L và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh C và chị L. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình chị L và anh Đ có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn C và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 06/12/2011 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì anh Đ vi phạm pháp luật phải đi thi hành án phạt tù đến năm 2019 thì chấp hành xong. Trong thời gian anh Đ phải chấp hành án, năm 2015 chị L đi lao động tại Đài Loan đến nay chưa về nước. Vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi

người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Vũ Thị L. Thông qua gia đình chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, anh C có đơn xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Văn C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Ngô Văn C và chị Vũ Thị L có 01 con chung là Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 30/6/2013. Anh C và chị L thống nhất giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho anh Vũ Thành Đ thay chị chăm sóc con Ngô Ngọc Huyền T cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Ngô Ngọc Huyền T cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh C và chị L xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Ngô Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ngô Văn C ly hôn chị Vũ Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 30/6/2013 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L tạm thời không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con Ngô Ngọc Huyền T cho anh Vũ Thành Đ nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000326 ngày 23/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Văn C và anh Vũ Thành Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường